

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận đầu tư dự án

Khu dân cư dịch vụ Đại Phúc, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng - Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 531/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về đầu tư xây dựng khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về đầu tư xây dựng khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 531/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/07/2018 của UBND tỉnh Quy định một số nội dung về quản lý và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng-Chuyển giao (BT) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 483-TB/TU ngày 08/01/2019 của Tỉnh ủy Bắc Giang về việc thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên giao ban ngày 07/01/2019,

Xét đề nghị của Liên danh Công ty cổ phần kiến trúc Việt Bách, Công ty TNHH Đại Hoàng Dương và Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Đại Mỗ tại Tờ trình số 15/TTr-LD ngày 04/12/2018, Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư dịch vụ Đại Phúc, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, với nội dung sau:

1. Tên dự án và chủ đầu tư:

- Tên dự án: Khu dân cư dịch vụ Đại Phúc, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên.
- Chủ đầu tư: Liên danh Công ty cổ phần kiến trúc Việt Bách, Công ty TNHH Đại Hoàng Dương và Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Đại Mỗ.
- Nhà thầu lập dự án: Công ty cổ phần kiến trúc Việt Bách.

2. Địa điểm, diện tích, ranh giới dự án:

- Địa điểm xây dựng: Xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên.
- Diện tích dự án: 7,68ha.
- Ranh giới dự án:
 - + Phía Đông Bắc: Giáp khu dân cư hiện trạng.
 - + Phía Đông Nam: Giáp đường liên xã từ QL1A đi vào xã Tăng Tiến.
 - + Phía Tây Bắc: Giáp khu đầm sen hiện trạng.
 - + Phía Tây Nam: Giáp kênh tiêu thoát nước T6.

3. Mục tiêu của dự án: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt để tạo cơ sở hình thành một khu dân cư mới đồng bộ về cả hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn xã Tăng Tiến.

4. Thời gian và tiến độ thực hiện dự án:

Thời gian thực hiện dự án không quá 03 năm: Trong đó thời gian thực hiện đầu tư xây dựng là 02 năm, kể từ khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận đầu tư. Dự kiến thực hiện từ tháng 01 năm 2019 đến hết tháng 12 năm 2021 với các mốc thời gian chính như sau:

- Từ tháng 01/2019 đến hết tháng 7/2019: Giải phóng mặt bằng toàn bộ dự án, thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư xây dựng và khởi công xây dựng;
- Từ tháng 8/2019 đến hết tháng 11/2020: Hoàn thành việc đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của dự án.
- Đến hết tháng 12/2021: Hoàn thành việc kinh doanh các sản phẩm từ dự án.

5. Nội dung xây dựng và phương án thiết kế cơ sở

5.1. Nội dung đầu tư xây dựng: Xây dựng mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong ranh giới dự án theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và thực hiện đấu nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực lân cận dự án.

5.2. Giải pháp thiết kế cơ sở:

a) San nền: San nền trong các lô đất xây dựng công trình và cây xanh. Vật liệu san nền bằng đất cấp III, lu lèn đạt độ chặt yêu cầu $K \geq 0,85$. San nền theo phương pháp đường đồng mức, độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tự chảy với hướng dốc về phía các tuyến đường giao thông bao quanh lô đất. Cao độ san nền tuân thủ quy hoạch chi tiết, phù hợp với các khu vực lân cận; cao độ san nền cao nhất +4,25m, thấp nhất +3,65m.

b) Giao thông:

- Xây dựng hệ thống các tuyến đường trong khu vực dự án với mặt cắt và tọa độ tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

- Các tuyến đường giao thông trong dự án được thiết kế với quy mô mặt cắt ngang hoàn chỉnh. Mặt đường dốc ngang 2 mái, $i=2\%$ dốc về phía bó vỉa; hè đường dốc ngang về phía lòng đường, $i=1,5\%$.

- Nền đường: Nền đường chủ yếu là nền đắp; trước khi đắp tiến hành vét bùn, hữu cơ đối với đoạn qua ao, ruộng; Vật liệu đắp nền đường sử dụng đất cấp 3; Phần nền lòng đường độ chặt đạt $K \geq 0,95$.

- Thiết kế mặt cắt ngang các tuyến đường:

STT	Tên mặt cắt	Bề rộng mặt đường (m)	Bề rộng hè đường (m)	Nền đường (m)
1	Mặt cắt 1-1	7,0	4,5x2	16
2	Mặt cắt 2-2	9,0	4,5+3,5	17
3	Mặt cắt 3-3	11,0	5,5x2	22
4	Mặt cắt 4-4	7,0	4,5+3,5	15
5	Mặt cắt 5-5	11,0	5,5x2	22

Ghi chú: Riêng mặt cắt 5-5 là đường vào UBND xã Tăng Tiến đã được đầu tư xây dựng, nên chỉ đầu tư 01 bên vỉa hè nằm trong ranh giới dự án.

- Hệ thống giao thông trong khu vực dự án sử dụng kết cấu mặt đường mềm (Eyc 120Mpa), gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 4cm; nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; bê tông nhựa chặt 19 dày 6cm; nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; cấp phối đá dăm loại II dày 17cm.

- Hè đường: Vỉa hè thiết kế lát gạch block tự chèn, phía dưới lót cát tạo phẳng dày 5cm, nền hè đường đắp đất cấp 3 đầm chặt đạt $K \geq 0,90$. Bó vỉa hè đường sử dụng viên vỉa bê tông đúc sẵn kích thước 26x23cm. Trồng cây xanh đô thị dọc theo vỉa hè của các tuyến đường, khoảng cách giữa các cây 6-10m. Hồ trồng cây xây gạch kích thước lòng trong 1,2x1,2m. Thiết kế hạ hè ở các vị trí qua đường dành cho người khuyết tật theo Quy chuẩn QCVN 10:2014/BXD.

- An toàn giao thông: Hệ thống các vạch sơn kẻ đường, biển báo hiệu đường bộ được thiết kế theo các quy định về đường giao thông đô thị phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

c) Cấp nước:

- Nguồn nước cấp cho khu vực dự án được lấy từ đường ống cấp nước sạch $D=250\text{mm}$ nằm dọc trục đường hiện trạng (đường đi vào UBND xã Tăng Tiến); đường ống phân phối sử dụng ống HDPE $D=110\text{mm}$, nước sinh hoạt được cấp cho các hộ tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ là ống HDPE $D=63\text{mm}$.

- Cấp nước chữa cháy: Hạng cấp nước cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới cấp nước phân phối. Các hạng cứu hỏa được bố trí trên phần hè của các tuyến đường, khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa trung bình 100-150m.

d) Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải được thiết kế riêng biệt. Nước mưa được thu về phía các giếng thu và chảy vào hệ thống cống tròn BTCT đặt ngầm dưới hè, đường; hệ thống giếng thu nước được bố trí cách nhau trung bình khoảng 30m, độ dốc theo tiêu chuẩn $i=1/D$. Đường ống thoát nước sử dụng cống tròn BTCT đúc sẵn đường kính từ $D=400\text{mm}$ đến $D=1500\text{mm}$. Nước mưa được thoát ra kênh tiêu T6 cạnh dự án.

e) Thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống rãnh xây gạch B400 chạy dọc sau nhà thu về tuyến cống tròn HDPE $D400\text{mm}$ đặt ngầm dưới hè đường, hướng thoát nước về trạm xử lý nước thải $Q=200\text{m}^3/\text{ngđ}$, đặt tại lô cây xanh CX1. Nước thải sau khi được xử lý sẽ được thoát ra kênh tiêu T6 cạnh dự án.

g) Cấp điện và chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho các trạm biến áp thuộc dự án được lấy từ đường dây 35kV, lộ dây 371E7.1 trạm 110kV Đình Trám; vị trí đầu nối tại cột số 04 cạnh dự án;

- Điện trung thế: Hệ thống đường dây trung thế sử dụng cáp ngầm loại Cu/XLPE/CTS/PVC/DATA/PVC/WATER-3(1x120)mm²-40,5kV được luồn trong ống nhựa chịu lực chôn ngầm trong rãnh cáp. Xây dựng mới 03 trạm biến áp Compact hợp bộ, công suất mỗi trạm: 02 trạm công suất 1x320kVA-35(22)/0,4kV; 01 trạm công suất 1x250kVA-35(22)/0,4kV.

- Điện hạ thế 0,4kV: Đường dây đi ngầm trong rãnh dưới vỉa hè, sử dụng loại cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV tiết diện từ (3x35+1x16) mm² đến (3x120+1x70) mm² được luồn trong ống nhựa HDPE.

- Chiếu sáng các tuyến đường giao thông dùng loại đèn LED công suất từ 70W đến 100W. Đèn được lắp trên cột đơn $H=8\text{m}-10\text{m}$; được bố trí dọc theo vỉa hè của đường với khoảng cách trung bình giữa các đèn từ 30m-40m. Cáp điện cấp cho đèn chiếu sáng dùng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x16+1x10mm² luồn trong ống HDPE chôn ngầm trong đất.

h) Thông tin liên lạc: Thiết kế các ống luồn cáp, bể cáp chờ sẵn để phục vụ cho các đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin trong tương lai. Tuyến ống được hạ

ngâm, sử dụng loại ống nhựa uPVC D60 đến uPVC D114. Đầu tư xây dựng các bể cấp, hồ ganivo để thuận tiện cho việc luân cấp và đầu nối cấp.

i) Khuôn viên cây xanh: Xây dựng khuôn viên cây xanh, kẻ hồ cảnh quan thiết kế cơ sở theo quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị đã được phê duyệt.

6. Khái toán sơ bộ tổng mức đầu tư:

- Dự kiến sơ bộ tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật dự án là 85.774.202.000 đồng (*Tám mươi lăm tỷ, bảy trăm bảy mươi tư triệu, hai trăm linh hai nghìn đồng*) và dự kiến nộp cho ngân sách Nhà nước khoảng 66,17 tỷ đồng từ việc thu tiền sử dụng đất thuộc dự án.

TT	Hạng mục	Giá trị (đồng)
1	Chi phí xây dựng	49.459.200.000
2	Chi phí thiết bị	2.380.800.000
3	Chi phí quản lý dự án	1.097.453.000
4	Chi phí tư vấn xây dựng	3.058.591.000
5	Chi phí khác	3.612.076.000
6	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	14.978.143.000
7	Chi phí dự phòng	11.187.939.000
	Tổng mức đầu tư	85.774.202.000

- Tổng mức đầu tư và phương án tài chính của dự án tại thời điểm chấp thuận đầu tư là tạm tính nhằm khái toán hiệu quả kinh tế của dự án. Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất của dự án, xác định các chi phí đầu tư xây dựng của dự án, xây dựng phương án tài chính của dự án là tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất cho chủ đầu tư để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án.

7. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn đầu tư của chủ đầu tư (vốn tự có) tối thiểu: 20%.
- Vốn vay ngân hàng thương mại và huy động hợp pháp khác tối đa không quá: 80%.

Chủ đầu tư có trách nhiệm bố trí và huy động đủ nguồn vốn để thực hiện theo đúng tiến độ của dự án được chấp thuận đầu tư.

8. Phương thức giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

- Việc giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án theo phương thức có thu tiền sử dụng đất sau khi đã hoàn thành việc bồi thường giải phóng mặt bằng và có thể giao làm nhiều đợt do đề xuất của chủ đầu tư. Trình tự, thủ tục giao đất, thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và của UBND tỉnh Bắc Giang tại thời điểm thiết lập hồ sơ.

- Bất động sản thuộc dự án chủ đầu tư thực hiện kinh doanh, chuyển nhượng theo Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản và các quy định hiện hành có liên quan bao gồm quyền sử dụng phần đất ở liền kề (từ lô A1 đến A5 và từ lô B1 đến B5).

- Chủ đầu tư chỉ được phép kinh doanh, chuyển nhượng khi đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản và các quy định khác có liên quan. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất chủ đầu tư được phép kinh doanh, chuyển nhượng cho các khách hàng và chủ đầu tư được thực hiện theo quy định ban hành kèm theo Quyết định số 531/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang và các quy định hiện hành có liên quan.

9. Đất và các công trình hạ tầng được chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước:

- Đất bàn giao cho Nhà nước, bao gồm:

+ Đất xây dựng các công trình hạ tầng: Hệ thống giao thông; Hệ thống cấp nước; Hệ thống thoát nước; Hệ thống cấp điện; Hệ thống thông tin liên lạc (hệ thống ống và hồ ga luân cấp); các khu khuôn viên cây xanh, mặt nước (CX1 và CX2); trạm xử lý nước thải.

+ Chủ đầu tư bàn giao các loại đất nêu trên cho Nhà nước sau khi hoàn thành các công trình hạ tầng của dự án để Nhà nước quản lý, sử dụng. Trường hợp chưa hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật tại các lô đất nêu trên nhưng nhà nước có nhu cầu sử dụng thì chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao cho nhà nước khi có yêu cầu.

- Các công trình hạ tầng được chuyển giao cho Nhà nước bao gồm toàn bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật (Giao thông; cấp nước; thoát nước và trạm xử lý nước thải; Hệ thống cấp điện và hệ thống ống, hồ ga luân cấp của thông tin liên lạc) và các khu cây xanh, mặt nước.

Việc chuyển giao các công trình này chỉ được thực hiện đối với các công trình đã đảm bảo yêu cầu về chất lượng và được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 2 Điều 17 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 531/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang.

10. Các nội dung liên quan:

a) Nguyên tắc xác định hiệu quả kinh tế - tài chính của dự án:

- Việc tính toán chính xác giá trị tổng mức đầu tư; giá đất và mức thu tiền sử dụng đất; chi phí quảng cáo, bán hàng; lợi nhuận để lại cho chủ đầu tư; phương án tài chính và hạch toán toàn bộ dự án sẽ được cơ quan Nhà nước xác định bằng văn bản khác trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, đảm bảo nguyên tắc dự án phải có lãi và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

- Nguyên tắc xác định giá đất và các chi phí chủ đầu tư được trừ (chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng trong ranh giới của dự án và các khoản chi phí hợp lý khác), được hưởng khi dự án được đầu tư, khai thác và vận hành, cụ thể như sau:

+ Giá các loại đất thuộc dự án được tính toán theo phương pháp xác định giá đất do Chính phủ và Bộ Tài nguyên Môi trường quy định trên cơ sở giá đất thị trường trong điều kiện bình thường đã được Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định;

+ Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Được tính trên cơ sở phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chi phí đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công trình khuôn viên cây xanh (theo nội dung ở mục I.5.2) do chủ đầu tư lập theo các quy định của pháp luật về xây dựng, được tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật thẩm tra và được Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định;

+ Chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng, chi phí quảng cáo bán hàng và lợi nhuận để lại cho nhà đầu tư được tính theo quy định ban hành kèm theo Quyết định số 531/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 và Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang và các quy định hiện hành khác có liên quan.

b) Xử lý trong trường hợp chậm tiến độ:

- Trường hợp nhà nước chậm bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện toàn bộ dự án thì nhà nước sẽ gia hạn thời gian thực hiện dự án tương ứng với khoảng thời gian chậm bàn giao mặt bằng;

- Trường hợp chậm tiến độ mà nguyên nhân từ phía chủ đầu tư thì chi phí đầu tư trên phần diện tích chậm tiến độ đó không được điều chỉnh;

- Việc xử lý đối với các trường hợp chậm tiến độ thực hiện theo Điều 23 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 531/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang.

11. Các nội dung khác: Theo Báo cáo số 432/BC-SXD ngày 20/12/2018 của Sở Xây dựng và Hồ sơ dự án đã thẩm định.

Điều 2.

1. Liên danh Công ty cổ phần kiến trúc Việt Bách, Công ty TNHH Đại Hoàng Dương và Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Đại Mỗ có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án đảm bảo đúng quy hoạch chi tiết được duyệt, tiến độ, chất lượng công trình, hiệu quả của dự án được chấp thuận đầu tư và các quy định hiện hành.

2. Các Sở, Ngành có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thực hiện đầu tư xây dựng dự án

của chủ đầu tư; phối hợp với chính quyền địa phương và chủ đầu tư giải quyết các công việc, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

3. UBND huyện Việt Yên:

- Tổ chức triển khai thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án theo quy định. Thực hiện việc thương thảo, đàm phán, ký kết hợp đồng thực hiện dự án với chủ đầu tư theo quy định ban hành kèm theo Quyết định số 531/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 và các văn bản có liên quan.

- Chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các phòng ban chuyên môn trực thuộc tham gia quản lý, giám sát quá trình thực hiện dự án; nghiệm thu công trình trong quá trình xây dựng cho đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật được chuyển giao cho Nhà nước.

- Nhận chuyển giao các công trình mà chủ đầu tư chuyển giao cho Nhà nước, quản lý khai thác theo đúng công năng, có trách nhiệm bảo trì công trình theo các quy định của pháp luật về xây dựng sau khi ký nhận chuyển giao.

- Phối hợp với Sở Tài chính và Cơ quan Thuế đơn đốc chủ đầu tư nộp tiền sử dụng đất và các khoản thuế, phí, lệ phí... theo tiến độ dự án được chấp thuận và các quy định hiện hành.

- Tổ chức, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện các công việc khác có liên quan theo quy định để dự án hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên, Liên danh Công ty cổ phần kiến trúc Việt Bách, Công ty TNHH Đại Hoàng Dương và Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Đại Mỹ và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PTC UBND tỉnh;
- Phòng PTĐT&HTKT - Sở Xây dựng (Lưu Hồ sơ);
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KT, TNMT;
 - + Lưu: VT, XD. Quý.(2)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Hà